

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/DS-ST

Ngày: 29/4/2021.

Về việc: “T/c về Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Hoàng Huy Hùng;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Năng;

2. Ông Ngô Phúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** không tham gia.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 201/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020, về việc “*Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2021/QĐXXST-DS ngày 11/3/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hoài H, sinh năm 1988; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Cần T, xã Cần Đ, huyện Châu T, An Giang

2. *Bị đơn:*

2. 1. Anh Nguyễn D, sinh năm 1988; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Cần T, xã Cần Đ, huyện Châu T, An Giang

2. 2. Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1996; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Cần T, xã Cần Đ, huyện Châu T, An Giang

(Anh Nguyễn D, chị Nguyễn Thị Cẩm T vắng mặt; Đã tổng đạt hợp lệ)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hoài H và lời khai tại phiên tòa có nội dung như sau: Từ ngày 04/4 đến ngày 11/4/2020, vợ chồng anh Nguyễn D, chị Nguyễn Thị Cẩm T có thỏa thuận vay của anh Nguyễn Hoài H 03 lần với số tiền tổng cộng là số tiền 100.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) với

lãi suất thỏa thuận miệng là 02%/ tháng, thời hạn vay là 02 tháng sẽ hoàn lại vốn và lãi, mục đích vay để sử dụng trong gia đình và đều có ghi giấy nhận nợ. Tuy nhiên, do mâu thuẫn nội bộ gia đình nên khi đến hạn trả nợ thì vợ chồng anh D, chị T đã đổ số nợ qua lại cho nhau và sau đó tìm cách lánh mặt không trả vốn, lãi theo như đã ký cam kết trong biên nhận nợ và kéo dài cho đến nay.

Nay anh Nguyễn Hoài H yêu cầu anh Nguyễn D, chị Nguyễn Thị Cẩm T có trách nhiệm liên đới trả lại số nợ đã vay tổng cộng là 100.000.000đ cùng với lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 15/7/2020 cho đến nay.

\* *Về phía bị đơn anh Nguyễn D, chị Nguyễn Thị Cẩm T thì:* Tòa án đã nhiều lần gửi Thông báo thụ lý, Thông báo mở phiên họp và hòa giải đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành để tạo điều kiện gặp nguyên đơn để đối chiếu các khoản nợ và cách thức trả nợ nhưng tất cả các lần thì bị đơn đều không có mặt. Theo chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp đã xác định được rằng anh Nguyễn D có nơi thường trú tại Ấp Cần T, xã Cần Đ, huyện Châu T, An Giang; Riêng chị Nguyễn Thị Cẩm T có nơi cư trú tại Ấp H, xã M, huyện N, An Giang. Các giấy tờ, Thông báo của Tòa án gửi thì các đương sự và gia đình trực tiếp ký nhận nhưng vẫn không có mặt, căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng để đưa vụ kiện ra xét xử theo đúng quy định.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện và được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận xét như sau:

[1] *Về tố tụng:* Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, anh Nguyễn D, chị Nguyễn Thị Cẩm T vắng mặt lần thứ hai không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa.

#### *Về nội dung:*

[2] Theo 03 tờ biên nhận vay tiền ghi ngày 04, 08 và 11/4/2020 có nội dung: “Anh Nguyễn D số CMND 351774443 và chị Nguyễn Thị Cẩm T số CMND 352261934 đều do Công an An Giang cấp, có mượn tiền 03 lần tổng số tiền là 100.000.000đ, thời hạn trả là 60 ngày kể từ ngày vay tiền theo biên nhận, không thỏa thuận lãi suất”. Theo nguyên đơn anh Nguyễn Hoài H thì biên nhận này do anh D, chị T lúc vay tiền là vợ chồng trực tiếp viết và ký tên sau khi đã nhận tiền vay, tuy nhiên đến nay vẫn chưa trả nên yêu cầu anh D, chị T có nghĩa vụ trả lại số tiền đã vay tổng cộng là 100.000.000đ.

[3] Trong quá trình thu thập chứng cứ, mở phiên họp và hòa giải thì bị đơn là anh Nguyễn D, chị Nguyễn Thị Cẩm T đều vắng mặt, trong khi các giấy tờ và thông báo của Tòa án tổng đạt thì đã trực tiếp hoặc gia đình đều ký nhận nhưng đều không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời phía bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ khách quan để chứng minh việc đã thanh toán

xong số tiền đã vay. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận và buộc anh D, chị T có trách nhiệm trả lại số tiền đã vay cho anh Nguyễn Hoài H.

[4] Ngoài ra, nguyên đơn anh Nguyễn Hoài H yêu cầu bị đơn là anh Nguyễn D, chị Nguyễn Thị Cẩm T phải trả lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày 15/7/2020 đến nay theo mức lãi suất pháp luật quy định. Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015”. Trong trường hợp này, phía nguyên đơn xác định khi cho vay có thỏa thuận lãi suất nhưng không xác định cụ thể nên được xem là có tranh chấp về lãi suất, cần áp dụng mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 và được tính toán cụ thể như sau:

Vốn vay 100.000.000đ tính từ ngày 15/7/2020 đến nay (29/4/2021) làm tròn là 9,5 tháng, lãi suất mỗi tháng là 0,83%:

$$100.000.000đ \times 0,83\% \times 9,5 \text{ tháng} = 7.885.000đ;$$

$$\text{Vốn, lãi phải trả: } 100.000.000đ + 7.885.000đ = 107.885.000đ.$$

Mặc dù không có chứng cứ chứng minh anh Nguyễn D và chị Nguyễn Thị Cẩm T có quan hệ vợ chồng và hiện tại còn sống chung hay không nhưng tại biên nhận nợ cả hai cùng ký tên nên đều cùng có trách nhiệm trả vốn, lãi nêu trên cho nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[5] *Về án phí, lệ phí sơ thẩm:* Do bị đơn anh Nguyễn D, chị Nguyễn Thị Cẩm T bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

#### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 357, Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

\* Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Hoài H. Buộc anh Nguyễn D, chị Nguyễn Thị Cẩm T trả cho anh Nguyễn Hoài H số tiền đã vay vốn, lãi tổng cộng là 107.885.000đ (Một trăm lẻ bảy triệu tám trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

\* Về án phí, lệ phí sơ thẩm:

+ Anh Nguyễn D, chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu chung 5.394.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Nguyễn Hoài H không phải chịu án phí nên được hoàn lại 2.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007338 ngày 06/11/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Riêng người vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án (có lý do khách quan) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt bản án hợp lệ, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Châu Thành;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

